

An.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Sỹ D – Chức vụ: Phó chủ tịch (theo Quyết định ủy quyền số 5830/QĐ-UBND ngày 15/10/2020). Vắng mặt.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H (viết tắt là Chủ tịch UBND xã H), thành phố V, tỉnh Nghệ An.

- Ủy ban nhân dân xã H (viết tắt là UBND xã H) thành phố V, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Duy T - Chức vụ: Phó Chủ tịch (theo Quyết định ủy quyền số 376/QĐ-UBND ngày 14/10/2020). Vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Lê Thị L1; địa chỉ: Xóm 12, xã H, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

- Ông Nguyễn Viết C1; địa chỉ: Xóm M, xã H, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

- Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1958; địa chỉ: Xóm M, xã H, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

- Bà Dương Thị T1, sinh năm 1961; địa chỉ: Xóm M, xã H, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

- Hợp tác xã H (viết tắt là HTX H), thành phố V, tỉnh Nghệ An. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Xuân Đ1 – Chủ nhiệm HTX H; địa chỉ: Xóm Đ2, xã H, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18/10/2018, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người khởi kiện ông Nguyễn Trọng L trình bày:

Thực hiện dự án xây dựng Hồ điều hòa tại xã H, thành phố V, năm 2016 UBND thành phố V đã thu hồi của gia đình ông thửa đất số 23, tờ bản đồ số 39 diện tích 03 mẫu 06 sào tại xứ đồng K, xã H, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Nguồn gốc thửa đất nêu trên là của Hợp tác xã H, do đất cao, sản xuất kém hiệu quả nên không ai sản xuất, bỏ hoang. Năm 1994, Hợp tác xã H ký hợp đồng kinh tế cho ông Nguyễn Viết C1 để sản xuất gạch nung. Thời hạn hợp đồng là sau khi lấy hết đất theo quy định khoảng 70cm thì trả lại cho Hợp tác xã để nuôi trồng thủy sản. Do ông C1 không có điều kiện để làm gạch nên cũng trong năm 1994, ông C1 đã ký hợp đồng cho vợ chồng ông thuê lại để lấy đất làm gạch. Theo hợp đồng thì thời hạn thuê đất được xác định “thời gian sử dụng đến khi hết sản lượng đất mặt bằng giao khoán”. Hiện nay Hợp đồng gốc thuê đất của ông C1

không còn. Sau khi thuê gia đình ông đã tiến hành xây dựng cơ sở hạ tầng để sản xuất gạch và sử dụng ổn định, thực hiện các nghĩa vụ đối với HTX H. Quá trình khai thác đất làm gạch đã tạo thành ao có diện tích 2.316,9m², gia đình ông đã cải tạo thả cá làm thức ăn cho công nhân. Đến năm 2009, đội quy tắc UBND xã H lập biên bản đình chỉ không cho gia đình ông tiếp tục sản xuất. Không đồng ý với biên bản đình chỉ nên gia đình ông đã khiếu nại nhưng chưa được giải quyết. Tại thời điểm thu hồi đất, gia đình ông chỉ mới khai thác khoảng 1/3 sản lượng, nên hợp đồng này vẫn chưa hết thời hạn, chưa thanh lý. Vì vậy, thửa đất đó vẫn thuộc quyền quản lý, sử dụng của gia đình ông. Ông Nguyễn Văn T, bà Dương Thị T1 chỉ là người thả cá, trồng sen trên phần diện tích ao gia đình ông đã đào là 2.316,9m² nhưng UBND xã H, thành phố V lại xác nhận cho gia đình ông T, bà T1 là người sử dụng phần diện tích đất này nên ông T, bà T1 được bồi thường hỗ trợ tiền đào ao mà gia đình ông không được bồi thường là không đúng thực tế, trái với quy định của pháp luật. Phần diện tích đất ông T, bà T1 sử dụng gia đình ông đã lấy hết đất làm gạch. Quá trình thu hồi phần diện tích đất nêu trên, UBND thành phố V không thực hiện đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật, không thông báo cho ông biết làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông L. Vì vậy, ông đã khiếu nại đến UBND xã H. Chủ tịch UBND xã H đã ban hành quyết định giải quyết khiếu nại số 314/QĐ-UBND ngày 09/10/2017 cho rằng ông khiếu nại sai. Không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại trên ông đã làm đơn khiếu nại đến Chủ tịch UBND thành phố V và Chủ tịch UBND thành phố V ban hành quyết định giải quyết khiếu nại số 1785/QĐ-UBND ngày 29/3/2018 cũng cho rằng khiếu nại của ông là khiếu nại sai. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết khiếu nại Chủ tịch UBND thành phố V đã xác định sai đối tượng khiếu nại. Ông khiếu nại lần một cũng như lần hai đều có nội dung *“UBND xã H xác nhận gia đình ông T, bà T1 là người sử dụng diện tích 2.316,9m² đất thuộc thửa đất số 23, tờ bản đồ số 39, tại đồng K, xã H, từ đó dẫn đến việc gia đình ông T bà T1 được bồi thường về tiền đào ao là không đúng. Từ đó yêu cầu cấp có thẩm quyền xác định gia đình ông là người sử dụng phần diện tích đất trên để gia đình được bồi thường về công đào ao”* nhưng quá trình giải quyết khiếu nại UBND thành phố V cho rằng ông khiếu nại UBND xã H không xác nhận gia đình ông là chủ sử dụng đất, dẫn đến gia đình ông không được bồi thường là không đúng đối tượng khiếu nại.

Ngày 18/10/2018, ông Nguyễn Trọng L khởi kiện vụ án hành chính yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 1785/QĐ-UBND ngày 29/03/2018 của Chủ tịch

UBND thành phố V, tỉnh Nghệ An về việc giải quyết khiếu nại lần hai của gia đình ông Nguyễn Trọng L; hủy Quyết định số 314/QĐ-UBND ngày 09/10/2017 của Chủ tịch UBND xã H, thành phố V, tỉnh Nghệ An về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Nguyễn Trọng L;

Xác định gia đình ông là đối tượng được bồi thường về đất, diện tích mặt nước, bồi thường việc đào ao, bồi thường giá trị các công trình gia đình ông L đã làm để phục vụ cho việc sản xuất gạch như sân phơi than, phơi gạch, đường đi trên thửa số 23, tờ bản đồ số 39 tại xứ đồng K, xã H, thành phố V, tỉnh Nghệ An để bồi thường cho gia đình ông.

Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, ông Nguyễn Trọng L rút yêu cầu xác định gia đình ông là đối tượng được bồi thường về đất, diện tích mặt nước, bồi thường giá trị các công trình gia đình ông đã làm để phục vụ cho việc sản xuất gạch như sân phơi than, phơi gạch, đường đi trên thửa số 23, tờ bản đồ số 39 tại xứ đồng K, xã H, thành phố V, tỉnh Nghệ An để bồi thường cho gia đình ông và thay đổi, bổ sung thêm yêu cầu khởi kiện. Cụ thể, ông Nguyễn Trọng L yêu cầu:

- Hủy Quyết định số 1785/QĐ-UBND ngày 29/03/2018 của Chủ tịch UBND thành phố V, tỉnh Nghệ An về việc giải quyết khiếu nại lần hai của gia đình ông Nguyễn Trọng L; hủy một phần Quyết định số 314/QĐ UBND ngày 09/10/2017 của Chủ tịch UBND xã H, thành phố V, tỉnh Nghệ An về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của hộ ông Nguyễn Trọng L; hủy Giấy xác nhận nguồn gốc, thời gian và diện tích sử dụng đất ngày 10/3/2016 của UBND xã H cho ông T, bà T1 là người sử dụng thửa đất số 23, tờ bản đồ số 39 diện tích 2.316,9m² tại xứ đồng K, xã H của UBND xã H.

- Xác định gia đình ông L là người sử dụng diện tích 2.316,9m² đất thuộc thửa đất số 23, tờ bản đồ số 39, tại xứ đồng K, xã H. Từ đó xác định gia đình ông L là đối tượng được bồi thường chi phí đào ao đối với diện tích đất nêu trên khi thực hiện dự án Hồ điều hòa.

Đại diện theo ủy quyền của người bị kiện Chủ tịch UBND thành phố V và UBND thành phố V trình bày: Sau khi nhận được đơn khiếu nại của ông Nguyễn Trọng L, UBND thành phố V đã thành lập đoàn xác minh giải quyết khiếu nại. Đoàn xác minh đã tiến hành làm việc với ông L. Tại buổi làm việc ông L trình bày nội dung khiếu nại là khiếu nại UBND xã H xác nhận không đúng chủ sử dụng đất đối với thửa đất số 23 tờ bản đồ số 39, diện tích 2.316,9m² do UBND xã xác nhận ông T, bà T1 là người sử dụng đất mà không xác nhận gia đình ông

L là chủ sử dụng đất và ông L yêu cầu xác định ông là chủ sử dụng đất để bồi thường, hỗ trợ theo khoản 2 Điều 77 Luật Đất đai. Trước khi ban hành quyết định giải quyết khiếu nại, UBND thành phố V cũng đã tổ chức đối thoại với ông L, tại buổi đối thoại ông L vẫn trình bày UBND xã H không xác định gia đình ông là chủ sử dụng đất là không đúng và tiếp tục yêu cầu xác định ông L là chủ sử dụng đất. Vì vậy Chủ tịch UBND thành phố V không xác định sai đối tượng khiếu nại.

Theo Bản đồ năm 1993 thể hiện phần diện tích ông L đang khiếu nại được đo chung tại thửa số 222, tờ bản đồ số 10, diện tích 56.264,0m² thể hiện đất hoang, thuộc xứ đồng K; Bản đồ đo đạc năm 2001 thể hiện thửa đất ông L đang khiếu nại là thửa số 02, tờ bản đồ số 39, diện tích 44.863,0m², loại đất VLXD (lò gạch). Sổ mục kê lập ngày 30/12/2001 thể hiện thửa đất số 02, tờ bản đồ số 39, diện tích 44.863,0 m² là khu lò gạch thuộc HTX H quản lý. Trích lục bản đồ địa chính bổ sung năm 2015 thể hiện thửa đất số 23, tờ bản đồ số 39 diện tích 2.316,9m² loại đất là NTS (nuôi trồng thủy sản).

Trong quá trình xác minh nội dung khiếu nại xác định thửa đất ông L đang khiếu nại có nguồn gốc là đất HTX H quản lý, không giao khoán cụ thể cho gia đình nào. Từ năm 1992 trở về trước, HTX sản xuất lúa trên thửa đất này, sau năm 1992 do đất xấu, khó tưới tiêu nên bỏ hoang. Năm 1994, HTX H đã ký kết hợp đồng cho ông T2, ông C1 lấy đất làm gạch trên thửa số 222, tờ bản đồ số 10, diện tích 56.264,0m². Sau khi ký hợp đồng ông C1 không sản xuất mà ký hợp đồng cho bà L1 (vợ ông L) mượn địa bàn và trữ lượng đất thuộc mặt bằng sản xuất đã được HTX nhất trí để sản xuất gạch nung. Gia đình ông L làm gạch đến năm 2009 thì dừng sản xuất và thửa đất bỏ hoang. Khoảng năm 2012, gia đình ông T, bà T1 tự ý ra sản xuất thả cá, trồng sen đến thời điểm nhà nước thu hồi đất. Như vậy, ông L không phải là người được giao đất, chủ sử dụng đất vẫn là HTX H, ông L chỉ là người ký hợp đồng kinh tế với ông C1. Thực tế gia đình ông L có sản xuất gạch nhưng tại thời điểm thu hồi đất để thực hiện dự án xây dựng hồ điều hòa thì ông L không phải là người đang sử dụng đất nên ông L không được bồi thường về đất và không mời ông L kiểm kê tài sản là đúng quy định. Tại thời điểm Nhà nước thu hồi đất, gia đình ông T, bà T1 đang sản xuất trên thửa đất nên được hỗ trợ khác với mức hỗ trợ tương ứng chi phí đào ao, không phải gia đình ông T, bà T1 được bồi thường, hỗ trợ chi phí đào ao. Việc hỗ trợ được thực hiện theo Công văn số 993 ngày 25/3/2016 của UBND tỉnh Nghệ An và Công văn số 1061 của Thành ủy thành phố V về việc hỗ trợ nuôi

trồng thủy sản.

Do đó, UBND xã H không xác nhận gia đình ông L, bà L1 là chủ sử dụng thửa đất số 23 tờ bản đồ số 39, diện tích 2.316,9m² mà xác định ông T, bà T1 tự sử dụng, đầu tư công sức vào thửa đất này để sản xuất nông nghiệp sau 01/7/2004 là đúng thực tế sử dụng đất. Chủ tịch UBND thành phố V ban hành quyết định giải quyết khiếu nại là đúng quy trình, thủ tục theo quy định của pháp luật. Vì vậy, không chấp nhận hủy Quyết định số 1785/QĐ-UBND ngày 29/03/2018 của Chủ tịch UBND thành phố V, tỉnh Nghệ An về việc giải quyết khiếu nại của gia đình ông Nguyễn Trọng L.

Đại diện theo ủy quyền của người bị kiện Chủ tịch UBND xã H và UBND xã H, thành phố V trình bày:

Về việc xác định chủ sử dụng thửa đất số 23, tờ bản đồ số 39, tại xứ đồng K, xã H, thành phố V thì trong hợp đồng kinh tế có ghi rõ là ông Nguyễn Viết C1 cho ông L thuê lại và ghi rõ ông C1 là người đại diện cho thửa đất và người trực tiếp làm việc với UBND xã H. Gia đình ông Nguyễn Trọng L đã dừng sản xuất gạch từ năm 2009. Từ năm 2009, ông L không còn quản lý, sử dụng, trên thửa đất chỉ còn một số công trình, vật kiến trúc liên quan đến sản xuất gạch của gia đình ông L. Khoảng năm 2012, gia đình ông Nguyễn Văn T có ra thả sen, thả cá trong diện tích ao mà ông L đã đào lấy đất làm gạch là 2.316,9m². Tại thời điểm thu hồi đất để thực hiện dự án xây dựng Hồ điều hòa, UBND xã chỉ xác nhận người đang trực tiếp sản xuất trên thửa đất tại thời điểm thu hồi là ông Nguyễn Văn T và bà Dương Thị T1 đã tự sử dụng, đầu tư công sức vào thửa đất để sản xuất nông nghiệp, không xác nhận ông T, bà T1 đào đắp ao còn việc đền bù như thế nào là của UBND thành phố V. Khi tiến hành kiểm đếm không mời ông L là có thật vì thời điểm đó ông L không còn sản xuất trên thửa đất. Việc Chủ tịch UBND xã H ban hành Quyết định số 314/QĐ UBND ngày 09/10/2017 về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của hộ ông Nguyễn Trọng L là đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật. Vì vậy, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An giữ nguyên Quyết định số 314/QĐ UBND ngày 09/10/2017 của Chủ tịch UBND xã H, thành phố V, tỉnh Nghệ An về việc giải quyết khiếu nại của hộ ông Nguyễn Trọng L.

Ý kiến của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- *Người đại diện theo pháp luật của HTX H trình bày:* Thửa đất số 23, tờ bản đồ số 39, diện tích 36 sào tại xứ đồng K, xã H, thành phố V là của HTX H. Năm 1994, HTX ký hợp đồng giao khoán cho ông Nguyễn Viết C1 để sản xuất

gạch, không phải ký hợp đồng đào ao và không ký hợp đồng với ông L. Hợp đồng giao khoán cho ông C1 hiện nay không còn. Sau khi ký hợp đồng, ông C1 không sản xuất mà làm hợp đồng cho bà Lê Thị L1 vợ ông Nguyễn Trọng L thuê lại làm gạch. Hàng năm, bà L1 đóng sản lượng cho HTX thay ông C1. Năm 2006, Hợp tác xã đã mời các gia đình có đất làm gạch ở vùng Đ3, L2 và đồng K để thanh lý hợp đồng trả lại đất cho UBND xã thực hiện dự án nuôi trồng thủy sản, có bà Lê Thị L1 tham gia. Sau khi thông báo thanh lý hợp đồng, ngày 30/5/2006, HTX đã quyết toán tiền thuê đất làm gạch với ông L, bà L1. Ông L, bà L1 vẫn tiếp tục làm gạch đến năm 2009 thì ngừng sản xuất, thửa đất bỏ hoang. Từ ngày quyết toán tiền thuê đất làm gạch cho đến năm 2009, ông L, bà L1 không nộp sản lượng cho HTX nữa. Đến năm 2012, ông Nguyễn Văn T và bà Dương Thị T1 tự ra cải tạo một phần diện tích đất ông L, bà L1 đào lấy đất làm gạch thành ao để trồng sen, thả cá. Phần đất ông T, bà T1 sử dụng, ông L bà L1 đã lấy đất làm gạch quá độ sâu quy định. Ông T, bà T1 đang sản xuất tại thời điểm thu hồi đất là đúng thực tế. Ông L cho rằng đền bù sai là không đúng.

- Ông Nguyễn Văn T và bà Dương Thị T1 trình bày: Thửa đất số 23 tờ bản đồ số 39 diện tích 2.316,9m² tại xứ đồng K, xã H, thành phố V, tỉnh Nghệ An có nguồn gốc là của HTX H cho ông Nguyễn Viết C1 thuê làm gạch nhưng ông C1 không làm mà cho vợ chồng ông Nguyễn Trọng L thuê lại. Gia đình ông L sản xuất gạch đến năm 2009 thì không sản xuất nữa, thửa đất bỏ hoang. Năm 2012, vợ chồng ông bà thấy có thửa đất bỏ hoang nên đã ra cải tạo thành ao và đã trồng sen, thả cá cho đến thời điểm thu hồi đất. Khi vợ chồng ra cải tạo thấy hố cao, hố thấp do lấy đất làm gạch chưa được cải tạo thành ao. Quá trình vợ chồng ông bà sử dụng không ai có tranh chấp, kể cả vợ chồng ông L. Khi nhà nước thu hồi đất để xây dựng hồ điều hòa đã bồi thường cho gia đình ông bà.

Ông Nguyễn Viết C1 trình bày: Năm 1994, HTX H giao khoán cho ông thửa đất số 23 tờ bản đồ số 39 tại xứ đồng K, xã H, thành phố V, tỉnh Nghệ An để sản xuất gạch nung. Trong hợp đồng không ghi rõ thời hạn mà chỉ ghi khi nào lấy hết đất độ sâu 0,5m thì hoàn trả lại mặt bằng cho HTX để giao khoán sản xuất. Cùng thời điểm giao khoán cho ông, HTX H còn giao khoán cho ông Nguyễn Văn T3 ở xóm M, xã H để sản xuất gạch tại xứ đồng K. Do điều kiện bận rộn, ông không sản xuất gạch được nên cho bà Lê Thị L1 thuê lại, nội dung hợp đồng ghi rõ ông chịu trách nhiệm chủ hợp đồng thanh toán, nghiệm thu với HTX và các cơ quan chức năng. Tuy nhiên quá trình sản xuất gạch thì bà L1 trực tiếp đóng sản lượng cho HTX và trả tiền thuê đất cho ông bằng gạch. Năm

2006, UBND xã có thông báo ngừng sản xuất gạch tại xứ đồng K, L2, xã D1 để thực hiện dự án nuôi trồng thủy sản. Ông đã được đọc thông báo và nhất trí với chủ trương của xã. Sau thời điểm thông báo khoảng 1 năm, thì gia đình ông L ngừng sản xuất gạch, thửa đất bỏ hoang. Khoảng 2 – 3 năm sau thì ông Nguyễn Văn T và bà Dương Thị T1 ra cải tạo lại thành ao và trồng sen, trồng lúa cho đến thời điểm thu hồi đất. Phần diện tích ông T, bà T1 sử dụng, ông L bà L1 đã lấy quá độ sâu quy định. UBND xã thông báo ngừng sản xuất, ông L, bà L1 cũng không có ý kiến gì và cũng không nói gì với ông.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số: 47/2019/HC-ST ngày 26/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An đã căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 3 Điều 116, Điều 173, khoản 1 điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính; khoản 8 Điều 11, Điều 17, khoản 2 Điều 18, Điều 29, 30, 31, 38, 39, 40 Luật Khiếu nại; Điều 22, khoản 2 Điều 77, khoản 2 Điều 88, khoản 2 Điều 101, Điều 204 Luật Đất đai năm 2013; Điều 21 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, xử:

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Trọng L về việc yêu cầu xác định gia đình ông L là đối tượng được bồi thường về đất, diện tích mặt nước, bồi thường giá trị các công trình gia đình ông L đã làm để phục vụ cho việc sản xuất gạch như sân phơi than, phơi gạch, đường đi trên thửa số 23, tờ bản đồ số 39 tại xứ đồng K xã H, thành phố V, tỉnh Nghệ An để bồi thường cho gia đình ông L.

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Trọng L đề nghị:

- Hủy Quyết định số 1785/QĐ-UBND ngày 29/3/2018 của Chủ tịch UBND thành phố V về việc giải quyết khiếu nại lần hai của ông Nguyễn Trọng L.

- Hủy một phần Quyết định số 314/QĐ-UBND ngày 09/10/2017 của Chủ tịch UBND xã H về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Nguyễn Trọng L.

- Hủy Giấy xác nhận nguồn gốc, thời gian và diện tích sử dụng đất ngày 10/3/2016 của UBND xã H cho ông Nguyễn Văn T và bà Dương Thị T1 là người sử dụng thửa đất số 23, tờ bản đồ số 39 diện tích 2.316,9m² tại xứ đồng K, xã H.

- Xác định gia đình ông L là người sử dụng thửa đất số 23, tờ bản đồ số 39, diện tích 2.316,9m² tại xứ đồng K, xã H. Từ đó xác định gia đình ông L là đối tượng được bồi thường chi phí đào ao trên diện tích đất trên.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 09/12/2019, ông Nguyễn Trọng L có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ngày 10/12/2019, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An có Quyết định kháng nghị số 2263/VKS-P10 với nội dung đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần đơn khởi kiện của ông L về hủy:

- Quyết định số 1785/QĐ-UBND ngày 29/03/2018 của Chủ tịch UBND thành phố V.

- Một phần Quyết định số 314/QĐ-UBND ngày 09/10/2017 của Chủ tịch UBND xã H tại Điều 1 có nội dung “Ông Nguyễn Trọng L khiếu nại việc UBND xã H xác nhận sai nguồn gốc và quá trình sử dụng của thửa đất số 23, tờ bản đồ số 39, diện tích 2.316,9m² để UBND thành phố bồi thường, hỗ trợ cho gia đình ông Nguyễn Văn T, bà Dương Thị T1 là khiếu nại sai”.

- Một phần Giấy xác nhận nguồn gốc sử dụng đất của UBND xã H ngày 10/3/2016 tại: Điểm a mục 2 thời điểm sử dụng đất: thửa số 23, tờ bản đồ số 39 sử dụng từ ngày 01/7/2014, tại mục 4 về nguồn gốc sử dụng thửa đất số 23, tờ bản đồ số 39 hộ ông Nguyễn Văn T đầu tư công sức vào thửa đất để sản xuất nông nghiệp từ sau ngày 01/7/2004.

- Chấp nhận nội dung gia đình ông L là người sử dụng diện tích 2.316,9m² đất thuộc thửa đất số 23, tờ bản đồ số 39, tại xứ đồng K, xã H để lấy đất làm gạch trong thời gian từ năm 1994 đến năm 2009.

Tại phiên tòa:

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Trọng L và ông L thống nhất trình bày:

Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng: “Căn cứ vào bản đồ đo vẽ qua các thời kỳ, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì diện tích đất ông L đang khởi kiện là do HTX H quản lý. Tại thời điểm Nhà nước thu hồi đất thì gia đình ông T, bà T1 sử dụng, quá trình từ năm 2012 đến năm 2016 gia đình ông T sử dụng thì ông L không có ý kiến gì nên UBND xã H xác nhận cho gia đình ông T là có cơ sở. Ông C1 là người trực tiếp ký hợp đồng với HTX H nên ông C1 vẫn là chủ hợp đồng nghiệm thu, thanh toán với HTX; Năm 2006 HTX H thông báo thanh lý các hợp đồng sản xuất gạch trên địa bàn xã H, trong đó có xứ đồng K, bà L1 vợ ông L tham gia nhưng không có kiến gì”. Nhận định như trên của Tòa án cấp sơ thẩm là không đúng với thực tế. Mặc dù HTX H ký hợp đồng cho ông C1 thuê,

nhưng ông C1 đã ký hợp đồng cho gia đình ông L thuê lại hợp đồng này đã được UBND xã H xác nhận, gia đình ông L trực tiếp quản lý, sử dụng đất, nộp thuế, nghiệm thu, thanh toán với HTX H.

Năm 2006, Hợp tác xã H có tổ chức họp về việc thanh lý một số hợp đồng sản xuất gạch nhưng không liên quan đến đồng K nên bà L1 không có ý kiến gì là đúng. Trên thực tế, gia đình ông L vẫn tiếp tục sản xuất gạch tại đồng K cho đến năm 2009 thì bị đội quy tắc của xã ra văn bản đình chỉ sản xuất gạch. Trong thời gian gia đình ông L đang khiếu nại về văn bản đình chỉ của xã thì năm 2012 gia đình ông T tự ý đến thả cá, trồng sen trên cái ao diện tích 2.316,9m² thuộc thửa đất số 23, tờ bản đồ số 39 tại đồng K. Cái ao này được hình thành trong quá trình gia đình ông L sản xuất gạch, đào lấy đất làm gạch nên thành cái ao, gia đình ông L cũng đã thả cá trên ao để làm thức ăn cho công nhân.

Việc ông T, bà T1 thả cá trên ao của gia đình ông L là không đúng nhưng UBND xã H vẫn xác nhận cho ông T, bà T1 là người quản lý, sử dụng cái ao trước ngày 01/7/2004 là trái với quy định.

Cái ao nằm trên phần diện tích 2.316,9m² đất, thuộc thửa đất số 23, tờ bản đồ số 39, đồng K, xã H do gia đình ông L đào và gia đình ông L đã nuôi cá cho công nhân ăn. Vì vậy, gia đình ông L mới là người được hưởng chi phí đào ao. Việc UBND xã H xác nhận ông T, bà T1 là người sử dụng đất dẫn đến việc gia đình bà T1 được hỗ trợ chi phí đào ao, tiền mặt nước là không đúng, ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của gia đình ông L.

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L, sửa Bản án hành chính số 47/2019/HC-ST ngày 26/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An theo hướng: Hủy quyết định giải quyết khiếu nại số 1785/QĐ-UBND ngày 29 tháng 3 năm 2018 của UBND thành phố V về việc giải quyết khiếu nại của ông L (lần hai); Hủy một phần Quyết định giải quyết khiếu nại số 314/QĐ-UBND ngày 09/10/2017 của Chủ tịch UBND xã H về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông L; Hủy Giấy xác nhận cho gia đình ông T, bà T1 là người sử dụng 2.316,9m² đất, thuộc thửa đất số 23, tờ bản đồ số 39 tại xã H; Xác định gia đình ông L là người quản lý sử dụng diện tích 2.316,9m² đất, thuộc thửa đất số 23, tờ bản đồ số 39, tại đồng K, xã H. Từ đó xác định gia đình ông L là đối tượng được hỗ trợ tiền chi phí đào ao trên diện tích đất trên.

Ý kiến Đại diện Viện kiểm sát: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Quá trình kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án ở giai đoạn phúc thẩm tới thời điểm này thấy rằng Thẩm phán được phân công nghiên cứu giải

quyết vụ án đã chấp hành đúng các quy định của Luật TTHC. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án ở giai đoạn phúc thẩm tới thời điểm này các đương sự đã thực hiện đúng quy định Luật TTHC.

Về kháng cáo, kháng nghị: Xét đơn kháng cáo, kháng nghị trong thời gian luật định, căn cứ các Điều 204, 205, 206, 211, 212, 213 Luật Tố tụng hành chính năm 2015 nên được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Về nội dung: Theo bản đồ đo đạc năm 1993 thể hiện thửa đất ông L đang khiếu nại là một phần của thửa số 222, tờ bản đồ số 10, diện tích 56.264,0m² là loại đất hoang thuộc xứ đồng K. Bản đồ đo đạc năm 2001 thể hiện thửa đất ông L đang khiếu nại là thửa số 02, tờ bản đồ số 39, diện tích 44.863,0m², loại đất VLXD (lò gạch). Trích lục địa chính bổ sung năm 2015 thuộc thửa đất số 23, tờ bản đồ số 39 có diện tích 2.316,9m² loại đất là NTS (nuôi trồng thủy sản).

Năm 1994, HTX H đã ký hợp đồng cho ông Nguyễn Văn T2 và ông Nguyễn Việt C1 lấy đất làm gạch trên thửa đất số 222, tờ bản đồ số 10, diện tích 56.264,0m². Sau khi ký hợp đồng ông C1 không thực hiện mà lại ký hợp đồng với bà Lê Thị L1; Sau khi nhận chuyển nhượng gia đình ông L, bà L1 đã tôn tạo đường, làm sân, xây lò, xây nhà nhân công, lấy đất để sản xuất gạch từ năm 1994 đến năm 1998; từ năm 1998 đến năm 2005 mỗi năm ông L sản xuất 01 vụ; từ năm 2005 đến năm 2009 ông lại tiếp tục sản xuất liên tục tại đồng K. Gia đình ông L, bà L1 là người trực tiếp trả tiền thuê đất cho HTX H. Năm 2007 UBND xã có Thông báo về việc ngừng sản xuất gạch trong vùng dự án nuôi trồng thủy sản, nhưng xứ đồng K không có trong thông báo này nên ông bà vẫn tiếp tục sản xuất cho đến năm 2009 ông L, bà L1 không sản xuất nữa.

Thấy thửa đất bỏ hoang nên năm 2012 vợ chồng ông T, bà T1 cải tạo nuôi cá trồng sen. Đến năm 2016, Nhà nước thu hồi để xây dựng hồ điều hòa thì vợ chồng ông T, bà T1 là người đang sử dụng thửa đất.

Như vậy, người sử dụng thửa đất số 23, tờ bản đồ số 39 diện tích 2.316,9m² từ giai đoạn năm 1994 đến năm 2009 là gia đình ông L, bà L1.

Từ năm 2012 đến năm 2016 gia đình ông T, bà T1 là người đang sử dụng thửa đất. UBND xã H xác nhận gia đình ông Nguyễn Văn T đầu tư công sức vào thửa đất số 23, tờ bản đồ số 39 để sản xuất nông nghiệp từ sau ngày 01/7/2004 đến thời điểm Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án Hồ Điều Hòa là không đúng thực tế người sử dụng đất.

Chủ tịch UBND xã H, thành phố V, tỉnh Nghệ An kết luận ông L khiếu nại việc UBND xã H xác nhận sai nguồn gốc và quá trình sử dụng thửa đất số

23, tờ bản đồ số 39, diện tích 2.316,9m² để UBND thành phố bồi thường, hỗ trợ cho gia đình ông Nguyễn Văn T, bà Dương Thị T1 là khiếu nại sai là chưa chính xác, khiếu nại của ông L có đúng, có sai vì gia đình ông L sử dụng thửa đất số 23, tờ bản đồ số 39, diện tích 2.316,9m² để sản xuất gạch từ năm 1994 đến năm 2009, còn gia đình ông T bà T1 chỉ sử dụng thửa đất năm 2012 đến năm 2016. UBND xã H xác nhận hộ ông Nguyễn Văn T: “thời điểm sử dụng đất thửa số 23, tờ bản đồ số 39 sử dụng từ ngày 01/7/2004”; tại mục 4 về nguồn gốc sử dụng: “thửa đất số 23, tờ bản đồ số 39 hộ ông Nguyễn Văn T tự sử dụng, đầu tư công sức vào thửa đất để sản xuất nông nghiệp từ sau ngày 01/7/2004” là không đúng với thực tế quá trình sử dụng thửa đất số 23, tờ bản đồ số 39 diện tích 2.316,9m² của hộ ông Nguyễn Văn T. Như vậy, Bản án sơ thẩm không xem xét đến quá trình sử dụng đất của gia đình ông Nguyễn Trọng L từ giai đoạn năm 1994 đến năm 2009 mà chấp nhận việc UBND xã H xác nhận nguồn gốc sử dụng đất hộ ông Nguyễn Văn T: “thời điểm sử dụng đất, thửa số 23, tờ bản đồ số 39 sử dụng từ ngày 01/7/2004”, tại mục 4 về nguồn gốc sử dụng: “thửa đất số 23, tờ bản đồ số 39 hộ ông Nguyễn Văn T tự sử dụng, đầu tư công sức vào thửa đất để sản xuất nông nghiệp từ sau ngày 01/7/2004” là không đúng với thực tế dẫn đến việc gia đình ông T được hỗ trợ đất nông nghiệp khai hoang sau ngày 01/4/2004 với số tiền 104.261.000 đồng và hỗ trợ chi phí đào ao với số tiền 87.027.000 đồng là không đúng quy định của pháp luật. Bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Trọng L là chưa đảm bảo đúng quy định của pháp luật và làm ảnh hưởng đến quyền lợi của đương sự.

Như đã phân tích ở trên, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn kháng cáo của ông L và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát và các đương sự, các quy định pháp luật hiện hành. Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện các thủ tục tố tụng theo quy định của Luật Tố tụng hành chính. Tại phiên tòa, người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Viết C1 vắng mặt nhưng đã có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt. HTX H, ông Nguyễn Văn T, bà Dương Thị T1 vắng mặt nhưng đã được triệu tập hợp lệ. Vì vậy, Tòa án xét xử

vắng mặt người bị kiện và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nêu trên là đúng quy định pháp luật.

[2] Về đối tượng khởi kiện: Quyết định giải quyết khiếu nại số 1785/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND thành phố V là quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An theo khoản 1 Điều 30 và khoản 4 Điều 32 Luật Tổ tụng hành chính.

[3] Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 29/3/2018, Chủ tịch UBND thành phố V ban hành Quyết định số 1785/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của gia đình ông Nguyễn Trọng L. Ngày 18/10/2018, ông Nguyễn Trọng L khởi kiện là trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính.

Quyết định số 314/QĐ-UBND ngày 09/10/2017 của Chủ tịch UBND xã H về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông L; Giấy xác nhận nguồn gốc, thời gian và diện tích sử dụng đất ngày 10/3/2016 của UBND xã H đối với phần diện tích đất 2.316,9m² thuộc thửa đất số 23, tờ bản đồ số 39, tại xứ đồng K, xã H, thành phố V đã hết thời hiệu khởi kiện nhưng là quyết định hành chính liên quan nên được xem xét theo Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính.

[4] Xét kháng cáo của ông L và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An, Hội đồng xét xử thấy như sau:

Theo bản đồ đo đạc năm 1993 thể hiện thửa đất ông L đang khiếu nại là một phần của thửa số 222, tờ bản đồ số 10, diện tích 56.264,0m² là loại đất hoang thuộc xứ đồng K. Bản đồ đo đạc năm 2001 thể hiện thửa đất ông L đang khiếu nại là thửa số 02, tờ bản đồ số 39, diện tích 44.863,0m², loại đất VLXD (lò gạch). Trích lục địa chính bổ sung năm 2015 thể hiện thửa đất số 23, tờ bản đồ số 39 có diện tích 2.316,9m² loại đất là NTS (nuôi trồng thủy sản).

- Lời khai của ông Nguyễn Viết C1, bà L1, ông L, ông Nguyễn Văn T, bà Dương Thị T1, ông Nguyễn Văn K1 (nguyên chủ nhiệm HTX H) và các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện:

Năm 1994, HTX H đã ký hợp đồng giao khoán đất cải tạo vùng đất lò gạch để sản xuất và chăn nuôi cá cho ông Nguyễn Viết C1 lấy đất làm gạch trên thửa đất số 222, tờ bản đồ số 10, diện tích 56.264,0m². Sau khi ký hợp đồng ông C1 không thực hiện mà lại ký hợp đồng với bà Lê Thị L1 (Hợp đồng kinh tế) trong hợp đồng này có chữ ký của bà L1, ông C1 và xác nhận của UBND xã H. Sau khi nhận chuyển nhượng, gia đình bà L1, ông L đã tôn tạo đường, làm sân, xây lò, xây nhà nhân công, lấy đất để sản xuất gạch. Gia đình ông L, bà L1 là

người trực tiếp trả tiền thuế đất cho HTX H. Năm 2007, UBND xã có thông báo về việc ngừng sản xuất gạch trong vùng dự án nuôi trồng thủy sản, nhưng xứ đồng K không có trong thông báo này nên ông bà vẫn tiếp tục sản xuất cho đến năm 2009 ông L, bà L1 không sản xuất nữa. Thấy thửa đất bỏ hoang nên năm 2012 vợ chồng ông T, bà T1 mới đến để cải tạo nuôi cá trồng sen. Khi vợ chồng ông T, bà T1 ra sản xuất không có ai ngăn cản, tranh chấp. Quá trình cải tạo vợ chồng ông T, bà T1 thấy hồ cao, hồ thấp do lấy đất làm gạch chưa được cải tạo thành ao. Đến năm 2016, Nhà nước thu hồi để xây dựng hồ điều hòa thì vợ chồng ông T, bà T1 là người đang sử dụng thửa đất.

Xét Giấy xác nhận nguồn gốc sử dụng đất của UBND xã H ngày 10/3/2016: Tại điểm a mục 2 của Giấy xác nhận nguồn gốc sử dụng đất của UBND xã H xác nhận hộ ông Nguyễn Văn T: “thời điểm sử dụng đất, thửa số 23, tờ bản đồ số 39 sử dụng từ ngày 01/7/2004”; tại mục 4 về nguồn gốc sử dụng: “thửa đất số 23, tờ bản đồ số 39 hộ ông Nguyễn Văn T tự sử dụng, đầu tư công sức vào thửa đất để sản xuất nông nghiệp từ sau ngày 01/7/2004” là không đúng với thực tế quá trình sử dụng thửa đất như đã nêu trên.

Căn cứ Giấy xác nhận nguồn gốc sử dụng đất của UBND xã H, Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố V có bản tính toán chi tiết về bồi thường, hỗ trợ GPMB thực hiện dự án Xây hồ điều hòa tại xã H, thành phố V (đợt 5) qua đó bồi thường, hỗ trợ chi phí mặt nước nuôi cá, hỗ trợ chi phí đào ao... cho ông Nguyễn Văn T và bà Dương Thị T1 là chưa chính xác, ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi của ông Nguyễn Trọng L và bà Lê Thị L1.

Quyết định số 314/QĐ - UBND ngày 09/10/2017 của Chủ tịch UBND xã H, thành phố V, tỉnh Nghệ An kết luận ông L khiếu nại việc UBND xã H xác nhận sai nguồn gốc và quá trình sử dụng của thửa đất số 23, tờ bản đồ số 39, diện tích 2.316,9m² để UBND thành phố bồi thường, hỗ trợ cho gia đình ông Nguyễn Văn T, bà Dương Thị T1 là khiếu nại sai là chưa chính xác, khiếu nại của ông L có đúng, có sai vì gia đình ông L có sử dụng thửa đất số 23, tờ bản đồ số 39, diện tích 2.316,9m² để sản xuất gạch từ năm 1994 đến năm 2009 còn gia đình ông T, bà T1 chỉ sử dụng thửa đất từ năm 2012 đến năm 2016.

Quyết định số 1785/QĐ-UBND ngày 29/03/2018 của Chủ tịch UBND thành phố V ban hành thấy: Tại Điều 1 Quyết định số 1785/QĐ-UBND ngày 29/03/2018 có nội dung: “*Công nhận và giữ nguyên Quyết định số 314/QĐ-UBND ngày 09/10/2017 của Chủ tịch UBND xã H về việc giải quyết khiếu nại*

lần đầu của ông Nguyễn Trọng L, trú tại xóm 12, xã H, thành phố V” là không chính xác.

Bản án sơ thẩm không xem xét đến quá trình sử dụng đất của gia đình ông Nguyễn Trọng L từ giai đoạn năm 1994 đến năm 2009 mà chấp nhận việc UBND xã H xác nhận nguồn gốc sử dụng đất của hộ ông Nguyễn Văn T: “thời điểm sử dụng đất, thửa số 23, tờ bản đồ số 39 sử dụng từ ngày 01/7/2004”; tại mục 4 về nguồn gốc sử dụng: “thửa đất số 23, tờ bản đồ số 39 hộ ông Nguyễn Văn T tự sử dụng, đầu tư công sức vào thửa đất để sản xuất nông nghiệp từ sau ngày 01/7/2004” là không đúng với thực tế dẫn đến việc gia đình ông T được hỗ trợ đất nông nghiệp khai hoang sau ngày 01/4/2004 với số tiền là 104.261.000 đồng và hỗ trợ chi phí đào ao với số tiền là 87.027.000 đồng là không đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, quyết định của Bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Trọng L là không đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông L, hủy Quyết định số 1785/QĐ-UBND ngày 29/3/2018 của Chủ tịch UBND thành phố V về việc giải quyết khiếu nại lần hai của ông Nguyễn Trọng L; hủy một phần Quyết định số 314/QĐ-UBND ngày 09/10/2017 của Chủ tịch UBND xã H về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Nguyễn Trọng L, hủy Giấy xác nhận nguồn gốc, thời gian và diện tích sử dụng đất ngày 10/3/2016 của UBND xã H cho Nguyễn Văn T và bà Dương Thị T1 đối với thửa đất số 23, tờ bản đồ số 39 diện tích 2.316,9m² tại xứ đồng K, xã H; Xác định gia đình ông L là người sử dụng diện tích đất nêu trên từ năm 1994 đến 2009 là có căn cứ.

Từ những phân tích nêu trên, thấy có căn cứ chấp nhận đơn kháng cáo của ông Nguyễn Trọng L; chấp nhận Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An.

[5] Về án phí: Kháng cáo của ông L được chấp nhận nên ông Nguyễn Trọng L không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

[6] Các quyết định khác của bản án hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo; không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 241 Luật TTHC năm 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc

hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần đơn kháng cáo ông Nguyễn Trọng L; Chấp nhận Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An.

Sửa một phần quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 47/2019/HC-ST ngày 26 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An như sau:

- Hủy Quyết định số 1785/QĐ-UBND ngày 29/3/2018 của Chủ tịch UBND thành phố V về việc giải quyết khiếu nại lần hai của ông Nguyễn Trọng L.

- Hủy một phần Quyết định số 314/QĐ-UBND ngày 09/10/2017 của Chủ tịch UBND xã H về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Nguyễn Trọng L.

- Hủy Giấy xác nhận nguồn gốc, thời gian và diện tích sử dụng đất ngày 10/3/2016 của UBND xã H cho ông Nguyễn Văn T và bà Dương Thị T1 là người sử dụng thửa đất số 23, tờ bản đồ số 39 diện tích 2.316,9m² tại xứ đồng K, xã H.

- Xác định gia đình ông Nguyễn Trọng L sử dụng thửa đất số 23, tờ bản đồ số 39, diện tích 2.316,9m² để sản xuất gạch từ năm 1994 đến năm 2009.

- Buộc Chủ tịch UBND thành phố V, tỉnh Nghệ An, Chủ tịch UBND xã H, thành phố V, tỉnh Nghệ An thực hiện nhiệm vụ theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí phúc thẩm: Ông Nguyễn Trọng L không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm. Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm mà ông L đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng số AA/2019/0003160 ngày 02/01/2020 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- Cục THADS tỉnh Nghệ An;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Bùi Xuân Trọng